

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN
DẦU KHÍ CÀ MAU**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Từ ngày 15 tháng 01 năm 2015, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 15 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp 2001012298.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Đức Thành	Chủ tịch
Ông Bùi Minh Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2014)
Ông Nguyễn Hồng Thanh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Bùi Minh Tiến	Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Dũng	Phó Giám đốc
Ông Văn Tiến Thanh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

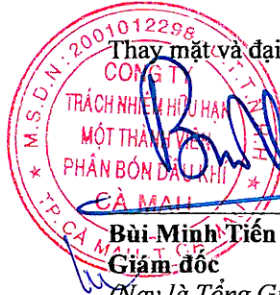
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Minh Tiến
Giám đốc

(Nay là Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau)

Ngày 02 tháng 02 năm 2015

Số: 536 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 02 năm 2015, từ trang 4 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề nhấn mạnh

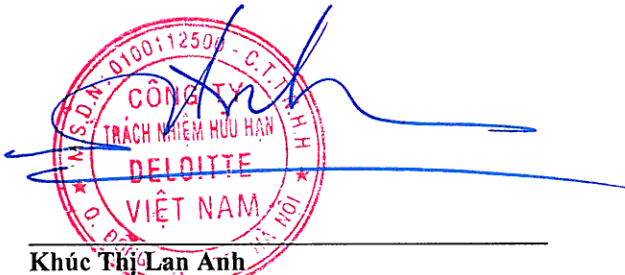
Như trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, ngày 11 tháng 12 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo kết quả bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau. Theo đó, tổng số lượng cổ phần đã được đấu giá là 128.951.300 cổ phần với giá đấu giá thành công bình quân là 12.251 VND/cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty sau khi chuyển sang công ty cổ phần sẽ là 5.294.000.000.000 VND. Công ty đã được cấp đăng ký kinh doanh và chính thức hoạt động theo Công ty cổ phần từ ngày 15 tháng 01 năm 2015.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề nhấn mạnh (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Năm tài chính cuối cùng của Công ty trước khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần là từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 14 tháng 01 năm 2015.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 02 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Bùi Thị Thu Hương
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1688-2013-001-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		5.344.211.822.541	2.902.589.845.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.934.277.086.952	2.348.182.799.062
1. Tiền	111		1.884.277.086.952	228.182.798.962
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	2.120.000.000.100
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.068.248.150.041	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.068.248.150.041	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.880.751.824	43.166.316.837
1. Phải thu khách hàng	131		9.933.641.889	8.415.608.396
2. Trả trước cho người bán	132		17.219.402.968	8.584.991.886
3. Các khoản phải thu khác	135	7	59.727.706.967	26.165.716.555
IV. Hàng tồn kho	140	8	222.444.728.230	417.469.220.065
1. Hàng tồn kho	141		222.444.728.230	431.235.503.564
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(13.766.283.499)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.361.105.494	93.771.509.203
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	15.397.841.535	21.010.745.771
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.396.281.009	63.312.676.998
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.566.982.950	9.448.086.434
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		11.136.433.489.053	11.312.419.767.801
I. Tài sản cố định	220		10.949.492.571.730	11.150.078.616.602
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	10.858.247.331.537	11.145.959.886.333
- Nguyên giá	222		13.472.708.037.454	13.380.971.704.077
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.614.460.705.917)	(2.235.011.817.744)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	44.467.693.568	410.716.670
- Nguyên giá	228		45.155.623.491	770.105.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(687.929.923)	(359.388.444)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	46.777.546.625	3.708.013.599
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.116.497.769	25.150.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	20.116.497.769	25.150.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		166.824.419.554	137.191.151.199
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	166.824.419.554	137.191.151.199
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		16.480.645.311.594	14.215.009.612.968

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		10.942.444.451.036	10.781.207.935.171
I. Nợ ngắn hạn	310		4.108.178.692.156	2.202.989.112.216
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.248.873.860.257	1.369.602.430.181
2. Phải trả người bán	312	17	278.996.772.146	388.834.919.512
3. Người mua trả tiền trước	313		123.667.266.979	71.834.979.878
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	36.119.288.555	1.764.508.857
5. Phải trả người lao động	315		110.434.081.156	55.699.874.474
6. Chi phí phải trả	316	19	261.753.997.078	82.637.148.718
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	2.020.393.646.087	206.692.764.607
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		27.939.779.898	25.922.485.989
II. Nợ dài hạn	330		6.834.265.758.880	8.578.218.822.955
1. Phải trả dài hạn khác	333	21	33.175.238.300	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	6.708.759.321.516	8.568.575.901.609
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	23	53.261.535.084	-
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		39.069.663.980	9.642.921.346
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		5.538.200.860.558	3.433.801.677.797
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	5.538.200.860.558	3.433.801.677.797
1. Vốn điều lệ	411		4.120.034.069.374	3.198.074.222.829
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		1.174.570.737.523	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		243.596.053.661	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	235.727.454.968
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		16.480.645.311.594	14.215.009.612.968

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại

Đô la Mỹ (USD)

31/12/2014

31/12/2013

1.758.743,95

50.617,13

Đinh Như Cường
Người lập biểuLê Ngọc Minh Trí
Kế toán trưởngBùi Minh Tiến
Giám đốc
(Nay là Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau)

Ngày 14 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

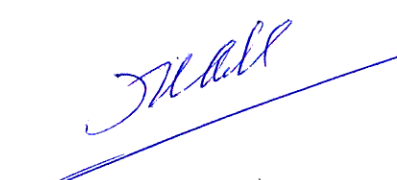
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	6.104.774.688.017	6.314.513.698.887
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	67.206.259.558	54.879.361.844
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	6.037.568.428.459	6.259.634.337.043
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	4.603.202.111.824	5.082.871.032.203
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.434.366.316.635	1.176.763.304.840
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	181.898.653.052	127.974.502.440
7. Chi phí tài chính	22	29	474.026.778.414	579.407.121.631
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		323.321.333.566	432.255.586.017
8. Chi phí bán hàng	24		190.868.382.958	136.892.467.985
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		162.785.426.446	99.694.329.473
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		788.584.381.869	488.743.888.191
11. Thu nhập khác	31	30	59.803.095.264	46.794.012.345
12. Chi phí khác	32		2.321.810.940	9.966.188.855
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		57.481.284.324	36.827.823.490
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		846.065.666.193	525.571.711.681
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	34.078.820.657	349.679.193
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		811.986.845.536	525.222.032.488


Đinh Như Cường
Người lập biểu


Lê Ngọc Minh Trí
Kế toán trưởng


Bùi Minh Tiến
Giám đốc
(Nay là Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau)

Ngày 14 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

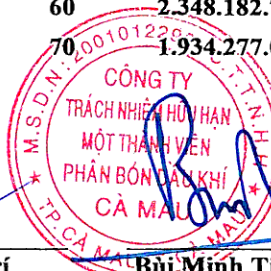
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	846.065.666.193	525.571.711.681
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.345.778.019.061	1.324.144.844.161
Các khoản dự phòng	03	(13.766.283.499)	786.763.457
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	115.340.376.145	124.974.423.514
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(154.063.088.485)	(126.022.181.818)
Chi phí lãi vay	06	323.321.333.566	432.255.586.017
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.462.676.022.981	2.281.711.147.012
Thay đổi các khoản phải thu	09	44.035.658.590	43.832.556.322
Thay đổi hàng tồn kho	10	208.790.775.334	(202.640.993.591)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp và lãi vay phải trả)	11	1.743.551.293.983	286.970.610.902
Thay đổi chi phí trả trước	12	112.941.915.934	46.152.592.212
Tiền lãi vay đã trả	13	(330.400.032.304)	(652.751.654.810)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.217.676.969)	(296.820.359)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.240.377.957.549	1.802.977.437.688
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(87.495.271.677)	(41.056.555.974)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.068.248.150.041)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(4.750.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.489.000.000	-
5. Thu lãi tiền gửi	27	122.110.494.381	121.413.814.195
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.025.143.927.337)	75.607.258.221
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	921.959.846.545	-
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	300.000.000.000	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.397.232.532.687)	(687.899.225.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(453.867.056.180)	(648.898.179.345)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.629.139.742.322)	(1.336.797.404.345)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(413.905.712.110)	541.787.291.564
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.348.182.799.062	1.806.395.507.498
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.934.277.086.952	2.348.182.799.062


Đinh Như Cường
Người lập biểu

Lê Ngọc Minh Trí
Kế toán trưởngBùi Minh Tiến
Giám đốc(Nay là Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau)

Ngày 14 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001012298 ngày 24 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp và giấy chứng nhận đăng ký thay đổi ngày 13 tháng 3 năm 2014.

Theo Quyết định số 310/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 2 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau, Công ty đã tiến hành các thủ tục cổ phần hóa. Theo Quyết định số 5693/QĐ-DKVN ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau, giá trị thực tế tại thời điểm 0h ngày 01 tháng 01 năm 2014 của Công ty để cổ phần hóa là 15.422.755.588.791 VND.

Ngày 11 tháng 12 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo kết quả bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau. Theo đó, tổng số lượng cổ phần được đấu giá là 128.951.300 cổ phần với giá đấu giá thành công bình quân là 12.251 VND/cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 5.294.000.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 15 tháng 01 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 838 (31 tháng 12 năm 2013: 789).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, tàng trữ, vận chuyển, phân phối phân bón, sản phẩm hóa chất dầu khí.
- Xuất nhập khẩu, kinh doanh phân bón, hóa chất dầu khí.
- Đầu tư, góp vốn, liên doanh, liên kết với các đơn vị khác để sản xuất, kinh doanh các sản phẩm có liên quan đến phân bón và hóa chất dầu khí.
- Các dịch vụ trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất dầu khí khác có liên quan.
- Kinh doanh các hoạt động vận tải, kho bãi, đầu tư tài chính, kinh doanh các ngành nghề phù hợp với quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh phân bón, hóa chất dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty chỉ phục vụ cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Năm tài chính cuối cùng của Công ty trước khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần là từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 14 tháng 01 năm 2015.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các phải thu khác và các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6

Đối với giá trị tài sản điều chỉnh theo kết quả định giá giá trị doanh nghiệp phục vụ cổ phần hóa, khấu hao điều chỉnh được bắt đầu khi Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Cà Mau mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế, các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất tăng do thực hiện đánh giá lại giá trị và chuyển sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần được ghi tăng khoản phải trả Nhà nước.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3
Phần mềm máy tính	3

Đối với giá trị tài sản điều chỉnh theo kết quả định giá giá trị doanh nghiệp phục vụ cổ phần hóa, khấu hao điều chỉnh được bắt đầu khi Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty có quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Trên báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc và phần chênh lệch điều chỉnh theo Quyết định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trên bảng cân đối kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp, tài sản lưu động nhận bàn giao từ Dự án "Nhà máy sản xuất phân đạm Cà Mau" và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Theo Quyết định số 1989/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án "Nhà máy sản xuất phân đạm Cà Mau" (gọi tắt là "Quyết định 1989"), Công ty nhận bàn giao tài sản lưu động bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn (Tiếp theo)

- Chi phí đào tạo vận hành, chi phí chuẩn bị sản xuất, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí tái định cư và công cụ, dụng cụ trong giai đoạn đầu tư với số tiền là 282.932.411.625 VND. Các tài sản lưu động này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2012 (ngày Công ty chính thức vận hành thương mại).
- Phụ tùng, vật tư dự phòng cho 2 năm vận hành với số tiền là 210.157.275.252 VND. Công ty phân bổ giá trị vật tư, phụ tùng dự phòng này vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2012. Ban Giám đốc Công ty khẳng định việc phân bổ giá trị vật tư, phụ tùng dự phòng nêu trên trong 2 năm là phù hợp với thời gian sử dụng vật tư, phụ tùng dự phòng theo Hợp đồng số 168/2008-F/CPMB-WEC-CMC ngày 06 tháng 5 năm 2008 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Liên doanh nhà thầu Công ty Thiết kế Vũ Hán - Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Máy móc Thiết bị Trung Quốc về việc “Thiết kế, mua sắm, xây dựng, vận hành, chạy thử và bàn giao nhà máy Đạm Cà Mau”. Đến ngày 24 tháng 4 năm 2014, Công ty đã phân bổ toàn bộ giá trị vật tư, phụ tùng này vào chi phí.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ khi công trình được đưa vào hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 61101000153 ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau, Công ty được hưởng các ưu đãi đối với dự án Nhà máy Đạm Cà Mau như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: được áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Đất đai: được miễn, giảm thuế sử dụng đất, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và tiền thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về thuế hiện hành.
- Thuế nhập khẩu: được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải và hàng hóa khác để thực hiện dự án đầu tư theo quy định Luật thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính phát sinh từ Dự án Nhà máy sản xuất phân đạm Cà Mau, Công ty đang trong giai đoạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối với các hoạt động kinh doanh khác ngoài Dự án Nhà máy sản xuất phân đạm Cà Mau, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	343.705.444	647.313.279
Tiền gửi ngân hàng	1.883.933.381.508	227.535.485.683
Các khoản tương đương tiền (*)	50.000.000.000	2.120.000.000.100
	1.934.277.086.952	2.348.182.799.062

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hỗ trợ vốn cho Ban Quản lý Dự án Khí điện đạm Cà Mau	19.718.000.000	19.718.000.000
Lãi dự thu	38.280.649.659	6.328.055.555
Phải thu khác	1.729.057.308	119.661.000
	59.727.706.967	26.165.716.555

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng đi đường	-	33.939.050.221
Nguyên liệu, vật liệu (*)	64.430.857.259	90.470.717.859
Công cụ, dụng cụ	30.690.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	92.762.754.254	165.950.670.622
Thành phẩm	19.067.858.023	52.150.483.240
Hàng hóa gửi bán	46.152.568.694	88.724.581.622
	222.444.728.230	431.235.503.564
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(13.766.283.499)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	222.444.728.230	417.469.220.065

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty thực hiện kiểm kê và phát hiện một số vật tư, phụ tùng dự phòng cho 2 năm vận hành chưa xuất dùng, còn tồn kho với số tiền là 20.780.344.652 VND. Ban Giám đốc Công ty đã quyết định làm thủ tục nhập lại kho cho số vật tư, phụ tùng này, điều chỉnh giảm chi phí và tăng hàng tồn kho trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng việc ghi nhận trên là phù hợp với các quy định hiện hành.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí bảo hiểm tài sản Nhà máy Đạm Cà Mau	14.681.468.866	14.495.303.607
Chi phí chất xúc tác HALODTOPSOE HTZ	-	2.947.839.435
Chi phí mở rộng thiết bị mạng và gia hạn phần mềm	-	1.178.417.419
Giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ trong 1 năm	716.372.669	2.389.185.310
	<u>15.397.841.535</u>	<u>21.010.745.771</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng cho nhân viên	1.566.982.950	1.158.130.238
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	8.289.956.196
	<u>1.566.982.950</u>	<u>9.448.086.434</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng		Tài sản khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2014	3.139.235.751.927	10.174.654.404.702	19.251.204.477	32.034.515.023	15.795.827.948	13.380.971.704.077	
Mua trong năm	4.285.898.149	2.608.259.683	1.770.257.272	6.098.733.829	299.460.000	15.062.608.933	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	8.521.354.770	-	-	-	8.521.354.770	
Điều chỉnh theo Quyết toán (i)	(27.216.382.423)	34.080.448.801	18.695.000.000	-	42.593.303.296	68.152.369.674	
Tại ngày 31/12/2014	3.116.305.267.653	10.219.864.467.956	39.716.461.749	38.133.248.852	58.688.591.244	13.472.708.037.454	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2014	503.092.081.437	1.715.268.331.711	8.803.237.205	5.356.221.878	2.491.945.513	2.235.011.817.744	
Khấu hao trong năm	290.499.778.515	1.028.775.465.264	11.785.362.900	9.799.639.292	25.792.622.554	1.366.652.868.525	
Điều chỉnh theo Quyết toán (i)	2.496.819.578	(6.347.509.000)	(4.912.180.010)	-	(12.440.521.511)	(21.203.390.943)	
(Giảm) theo đánh giá lại (ii)	(40.323.273.385)	(922.330.300.981)	(31.796.821)	(2.012.972.164)	(1.302.244.058)	(966.000.589.409)	
Tại ngày 31/12/2014	755.765.404.145	1.815.365.986.994	15.644.623.274	13.142.889.006	14.541.802.498	2.614.460.705.917	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 31/12/2014	2.360.539.863.508	8.404.498.480.962	24.071.838.475	24.990.359.846	44.146.788.746	10.858.247.331.537	
Tại ngày 31/12/2013	2.636.143.670.490	8.459.386.072.991	10.447.967.272	26.678.293.145	13.303.882.435	11.145.959.886.333	

(i) Theo Quyết định số 1989/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án “Nhà máy sản xuất phân đạm Cà Mau”, Công ty nhận bán giao tài sản cố định Nhà máy Đạm Cà Mau với số tiền là 13.398.694.377.819 VND. Công ty đã thực hiện điều chỉnh nguyên giá và chi phí khấu hao theo giá trị quyết toán nêu trên.

(ii) Giám theo đánh giá lại phản ánh giá trị hao mòn của tài sản được đánh giá lại và được phê duyệt theo Quyết định số 5693/QĐ-DKVN ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Đạm Cà Mau” để thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.780.638.507.920 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 11.100.209.967.452 VND). Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 6.545.876.347 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.015.840.949 VND).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	-	80.000.000	690.105.114	770.105.114
Mua trong năm	-	-	1.503.435.000	1.503.435.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	9.706.845.077	9.706.845.077
Tăng khác (*)	33.175.238.300	-	-	33.175.238.300
Phân loại lại	-	(80.000.000)	80.000.000	-
Tại ngày 31/12/2014	33.175.238.300	-	11.980.385.191	45.155.623.491
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	-	32.329.746	327.058.698	359.388.444
Khấu hao trong năm	-	-	328.541.479	328.541.479
Phân loại lại	-	(32.329.746)	32.329.746	-
Tại ngày 31/12/2014	-	-	687.929.923	687.929.923
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	33.175.238.300	-	11.292.455.268	44.467.693.568
Tại ngày 31/12/2013	-	47.670.254	363.046.416	410.716.670

(*) Tăng khác phản ánh giá trị quyền sử dụng đất được đánh giá lại và được phê duyệt theo Quyết định số 5693/QĐ-DKVN ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công trình mái che mưa cho hệ thống xuất sản phẩm Nhà máy Đạm	39.327.548.592	449.762.727
Các công trình khác	7.449.998.033	3.258.250.872
	46.777.546.625	3.708.013.599

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2014 VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	Bạc Liêu	51,03	51,03	20.116.497.769	Sản xuất bao bì

Theo Thông báo số 1291/SGDHCM-NY ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh về việc thông báo kết quả đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau tại Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC) ngày 19 tháng 8 năm 2014, Công ty nắm giữ 1.666.100 cổ phần, tương đương 51,03% vốn điều lệ của PPC.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị khoản đầu tư vào công ty con bao gồm 3.455.497.769 VND là giá trị đánh giá lại và được phê duyệt theo Quyết định số 5693/QĐ-DKVN ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh (*)	136.962.280.053	-
Chi phí tài sản lưu động nhận bàn giao từ Dự án "Nhà máy sản xuất Phân đạm Cà Mau"	23.210.581.732	85.733.650.807
Giá trị phụ tùng, vật tư dự phòng	-	35.454.704.562
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.061.821.898	14.583.168.888
Giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ lớn hơn 1 năm	4.589.735.871	1.419.626.942
	166.824.419.554	137.191.151.199

(*) Lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh số 22)	1.248.873.860.257	1.369.602.430.181
	1.248.873.860.257	1.369.602.430.181

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	165.021.290.363	226.320.375.741
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	36.066.717.107	60.799.643.470
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	11.537.724.304	16.162.339.160
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.162.572.002	2.081.411.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ An ninh Dầu Khí Việt Nam	1.496.451.808	840.679.696
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí	-	5.380.730.620
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	-	1.128.275.000
Các bên liên quan khác	432.774.588	2.820.017.389
Phải trả các người bán khác		
Công ty Cổ phần Máy tính Sài Gòn	4.969.800.000	-
Công ty Cổ phần F.A	4.199.797.932	17.466.163.623
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Việt Sinh Phát	3.953.763.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Hải Nam	2.808.086.125	-
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	2.815.680.000	937.627.460
Công ty TNHH Cơ khí Thế Dân	2.453.712.789	292.600.000
Công ty TNHH Xây dựng Minh Khôi	2.400.284.230	237.749.965
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Anh Khoa	2.141.585.600	570.924.200
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đóng gói Sài Gòn	782.800.000	8.267.451.037
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Viễn Châu	581.673.055	2.384.666.600
Công ty TNHH Nguyễn Phan	-	10.429.894.110
Các đối tượng khác	35.172.059.243	32.714.369.941
	278.996.772.146	388.834.919.512

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (Tiếp theo)**

(*) Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu phản ánh khoản tiền Công ty mua khí thiên nhiên của Lô PM3 CAA và Lô 46 - Cái Nước theo Phụ lục hợp đồng số 2 ngày 11 tháng 6 năm 2014 sửa đổi Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23 tháng 5 năm 2012 giữa Công ty và Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	33.240.092.570	33.240.092.570	-
Thuế thu nhập cá nhân	726.628.614	9.716.684.266	7.581.170.516	2.862.142.364
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.858.834	34.078.820.657	1.217.676.969	32.914.002.522
Thuế tài nguyên	30.533.760	952.456.320	891.388.800	91.601.280
Thuế nhập khẩu	954.487.649	310.447.145	1.264.934.794	-
Phí, lệ phí	-	36.597.000	36.597.000	-
Thuế khác	-	621.966.933	370.424.544	251.542.389
	1.764.508.857	78.957.064.891	44.602.285.193	36.119.288.555

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	59.788.350.422	62.247.826.344
Tiền khí phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	163.962.886.631	-
Trích trước chi phí an sinh xã hội (ii)	18.025.560.463	11.307.356.809
Chiết khấu thương mại phải trả (iii)	11.043.150.672	8.681.965.565
Chi phí bảo lãnh phải trả	8.311.832.215	-
Khác	622.216.675	400.000.000
	261.753.997.078	82.637.148.718

(i) Tiền khí phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được Công ty xác định và điều chỉnh theo giá khí tạm tính năm 2014 được phê duyệt theo Quyết định số 111/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(ii) Chi phí an sinh xã hội theo Nghị quyết số 420/NQ-DKVN ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận phương án phân bổ kinh phí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thực hiện Chương trình an sinh xã hội năm 2014. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư chi phí an sinh xã hội phải trả cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 18.025.560.463 VND.

(iii) Chiết khấu thương mại cho khách hàng trong năm được trích theo Quyết định số 41/QĐ-PVCFC ngày 15 tháng 12 năm 2014 về việc chiết khấu thương mại cho khách hàng của Giám đốc Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư chiết khấu thương mại phải trả khách hàng là 11.043.150.672 VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả Ban Quản lý Dự án Khí điện đạm Cà Mau	76.525.201.368	173.683.639.544
<i>Thuế giá trị gia tăng đầu vào từ mua khí trong giai đoạn trước khi chính thức vận hành thương mại</i>	69.617.285.554	69.617.285.554
Nhận bàn giao phụ tùng, vật tư	-	97.158.438.176
Các khoản phải trả khác	6.907.915.814	6.907.915.814
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.940.426.765.238	-
Nhận bàn giao Dự án hoàn thành "Nhà máy sản xuất phân đạm Cà Mau" (i)	78.515.027.920	-
Lợi nhuận phải nộp	280.460.068.618	-
Phải trả về Cổ phần hóa (ii)	1.581.451.668.700	-
Quỹ thưởng an toàn (iii)	130.337.824	20.261.425.858
Kinh phí công đoàn	1.650.561.475	1.609.554.177
Phải trả phí bảo lãnh khoản vay cho Bộ Tài chính	-	9.100.484.237
Tiền lương cán bộ làm việc tại Venezuela	-	1.180.985.270
Phải trả khác	1.660.780.182	856.675.521
	2.020.393.646.087	206.692.764.607

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 4 và số 11, theo Quyết định số 1989/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án "Nhà máy sản xuất phân đạm Cà Mau", Công ty nhận bàn giao tài sản cố định và tài sản lưu động của Nhà máy Đạm Cà Mau theo giá trị quyết toán. Công ty tạm ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị tài sản nhận bàn giao và vốn điều lệ, vốn vay đã nhận là một khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Số dư phải trả này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán vốn với Tập đoàn.

(ii) Phải trả về cổ phần hóa phản ánh số tiền Công ty thu được khi thực hiện cổ phần hóa. Ngày 16 tháng 1 năm 2015, Công ty đã chuyển trả Tập đoàn số tiền này.

(iii) Công ty trích lập quỹ thưởng an toàn theo Công văn số 3514/LĐTĐBXH-LĐTL ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội về việc thưởng an toàn, để chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ thưởng an toàn là công nhân, nhân viên của Nhà máy Đạm Cà Mau.

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh phải trả Ngân sách Nhà nước do Công ty nhận giao giá trị quyền sử dụng đất theo Quyết định về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, với số tiền là 33.175.238.300 VND. Giá trị này chưa có phê duyệt của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau và có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	7.957.633.181.773	9.938.178.331.790
Nhóm các Ngân hàng: BNP Paribas, Ngân hàng Credit Agricole,	4.231.260.000.000	4.635.400.000.000
Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc (i)		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	2.726.116.229.313	3.023.807.151.044
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (iii)	1.000.256.952.460	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	-	2.278.971.180.746
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.248.873.860.257	1.369.602.430.181
Nhóm các Ngân hàng: BNP Paribas, Ngân hàng Credit Agricole,	470.140.000.000	463.540.000.000
Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc.		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	454.326.200.000	431.987.430.181
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	324.407.660.257	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	-	474.075.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	6.708.759.321.516	8.568.575.901.609

Theo các Quyết định số 533/QĐ-DKVN và số 534/QĐ-DKVN ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, từ ngày 15 tháng 01 năm 2013, Tập đoàn chuyển giao cho Công ty các trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Bên vay (trừ việc rút vốn vay) được quy định trong các Hợp đồng tín dụng. Cụ thể các hợp đồng tín dụng như sau:

(i) Khoản vay của Tập đoàn theo Hợp đồng vay vốn tín dụng ECA giữa nhóm cho vay là các Ngân hàng BNP Paribas, Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc và Ngân hàng Credit Agricole với bên vay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, với số gốc vay là 220.000.000 USD, ký ngày 15 tháng 9 năm 2011, với mục đích thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy Đạm Cà Mau. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 25 tháng 7 năm 2012. Lãi suất nợ trong hạn là LIBOR 6 tháng; lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên. Lãi vay được trả 6 tháng/lần.

(ii) Khoản vay của Tập đoàn theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số HĐTĐĐT-CM/PV-VIETINBANK2009 ngày 25 tháng 9 năm 2009 giữa bên vay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), với số gốc vay là 220.000.000 USD, với mục đích thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy Đạm Cà Mau. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời gian trả nợ gốc là 90 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn ân hạn. Lãi suất nợ trong hạn (tính trên dư nợ trong hạn) bằng lãi suất huy động tiết kiệm Đô la Mỹ kỳ hạn 6 tháng trả lãi sau của Vietinbank cộng (+) 2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay trong hạn cộng 1%/năm. Lãi vay được trả 3 tháng/lần.

(iii) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn tín dụng số 235/HĐVV-PVB-CNCT ngày 31 tháng 10 năm 2014 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ và Công ty với hạn mức vay là 48.071.638,74 USD và mục đích cơ cấu lại khoản vay đầu tư dự án Nhà máy Đạm Cà Mau theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2010HĐTĐĐT-NHPT ngày 17 tháng 6 năm 2010 giữa Tập đoàn và Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Thời hạn vay tối đa là 38 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi suất biên (3,15%/năm và cố định trong suốt thời hạn vay) tại ngày xác định lãi suất và không vượt quá 5% tại mọi thời điểm của khoản vay; lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 4%/năm. Lãi vay được trả 1 tháng/lần vào ngày 01 hàng tháng.

Tập đoàn và Công ty đã thế chấp giá trị tài sản cố định bao gồm nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị của Nhà máy Đạm Cà Mau để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng nêu trên.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.248.873.860.257	1.369.602.430.181
Trong năm thứ hai	1.248.873.860.257	1.369.584.953.500
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.124.840.231.945	4.017.351.041.164
Sau năm năm	2.335.045.229.314	3.181.639.906.945
Cộng	7.957.633.181.773	9.938.178.331.790
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	1.248.873.860.257	1.369.602.430.181
Số phải trả sau 12 tháng	6.708.759.321.516	8.568.575.901.609

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh số lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng còn được phân bổ vào kết quả kinh doanh các kỳ tiếp theo. Căn cứ theo Quyết định số 1989/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án “Nhà máy sản xuất phân đạm Cà Mau”, lãi chênh lệch tỷ giá bán giao đối với giá trị tài sản Nhà máy Đạm Cà Mau hình thành qua đầu tư là 79.892.302.626 VND. Công ty thực hiện phân bổ dần khoản chênh lệch tỷ giá này vào doanh thu hoạt động tài chính trong vòng 3 năm, bắt đầu từ năm 2014.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	3.198.074.222.829	-	-	73.462.865.933	-	3.271.537.088.762
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	525.222.032.488	525.222.032.488
Phân loại lại các quỹ	-	-	-	(73.462.865.933)	73.462.865.933	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(53.519.614.110)	(53.519.614.110)
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	-	-	(308.252.871.387)	(308.252.871.387)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.184.957.956)	(1.184.957.956)
Số dư tại ngày 01/01/2014	3.198.074.222.829	-	-	-	235.727.454.968	3.433.801.677.797
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	811.986.845.536	811.986.845.536
Thay đổi theo Chứng thư định giá	-	1.174.570.737.523	-	-	-	1.174.570.737.523
Giá trị doanh nghiệp (i)	-	-	-	-	-	-
Nhận vốn góp trong năm (ii)	921.959.846.545	-	-	-	-	921.959.846.545
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển (iii)	-	-	243.596.053.661	-	(243.596.053.661)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iv)	-	-	-	-	(69.791.122.045)	(69.791.122.045)
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	-	-	(453.867.056.180)	(453.867.056.180)
Tạm trích lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	-	-	(280.460.068.618)	(280.460.068.618)
Số dư tại ngày 31/12/2014	4.120.034.069.374	1.174.570.737.523	243.596.053.661	-	-	5.538.200.860.558

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(i) Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh giá trị chênh lệch so với sổ sách theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển Công ty thành Công ty Cổ phần tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đã Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt theo Quyết định số 5963/QĐ-DKVN ngày 29 tháng 8 năm 2014.

(ii) Theo Quyết định số 643/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 01 năm 2014, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty từ 3.198.074.222.829 VND lên 4.120.034.069.374 VND và Tập đoàn đã cấp vốn bằng tiền cho Công ty với số tiền là 921.959.846.545 VND.

(iii) Trong năm 2014, Công ty tạm trích quỹ đầu tư phát triển là 30% của lợi nhuận sau thuế năm 2014 tương ứng với số tiền 243.596.053.661 VND theo Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

(iv) Trong năm 2014, Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền tương ứng là 69.791.122.045 VND theo Nghị quyết số 3150/NQ-DKVN ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2014 của Công ty.

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 4 số 2001012298 ngày 13 tháng 3 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 4.120.034.069.374 VND. Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Theo phương án cổ phần hóa, vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 5.294.000.000.000 VND, trong đó Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sẽ sở hữu 51% cổ phần.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu Ure	5.680.903.255.079	5.998.081.230.756
- Bán trong nước	5.095.546.479.578	5.408.932.760.217
- Xuất khẩu	585.356.775.501	589.148.470.539
Doanh thu Amoniac	109.516.553.582	118.613.501.044
Doanh thu hàng thương mại	294.791.736.333	195.316.288.731
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.461.890.642	2.072.441.214
Doanh thu khác	7.101.252.381	430.237.142
	6.104.774.688.017	6.314.513.698.887
Chiết khấu thương mại	66.125.735.749	54.879.361.844
Giảm giá hàng bán	1.080.523.809	-
	6.037.568.428.459	6.259.634.337.043

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn Ure	4.247.459.681.959	4.800.144.046.370
- Bán trong nước	3.825.027.837.889	4.323.917.724.323
- Xuất khẩu	422.431.844.070	476.226.322.047
Giá vốn Amoniac	60.339.962.195	82.183.767.653
Giá vốn hàng thương mại	294.026.052.957	195.104.853.394
Giá vốn dịch vụ cung cấp	7.909.412.354	1.316.210.449
Giá vốn khác	7.233.285.858	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.766.283.499)	4.122.154.337
	4.603.202.111.824	5.082.871.032.203

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.348.479.911.381	3.395.822.055.273
Chi phí nhân công	297.718.722.864	263.416.353.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.345.285.790.202	1.324.144.844.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.761.637.322	228.671.951.130
Chi phí bằng tiền khác	251.163.433.997	82.986.754.944
	4.537.409.495.766	5.295.041.959.163

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư	26.630.767.542	-
Lãi tiền gửi	152.722.897.685	126.022.181.818
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.204.797.025	1.952.320.622
Lãi chuyển nhượng cổ phần	1.340.190.800	-
	181.898.653.052	127.974.502.440

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	323.321.333.566	432.255.586.017
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	115.340.376.145	124.974.423.514
Phí bảo lãnh	18.515.595.826	19.924.493.418
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.741.310.881	5.488.184.082
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(3.335.390.880)
Khác	108.161.996	99.825.480
	474.026.778.414	579.407.121.631

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. THU NHẬP KHÁC**

	2014	2013
	VND	VND
Thu nhập từ bán phế phẩm	58.525.714.994	46.286.355.403
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	730.195.921	507.656.942
Thu nhập khác	547.184.349	-
	59.803.095.264	46.794.012.345

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	691.111.957.118	154.953.709.075	846.065.666.193
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế			
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(49.978.814)	(49.978.814)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	11.937.875.867	-	11.937.875.867
Thu nhập chịu thuế	703.049.832.985	154.903.730.261	857.953.563.246
Thuế suất thông thường	-	22%	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	34.078.820.657	34.078.820.657

Theo Công văn số 4641/TCT-CS của Tổng Cục thuế ngày 02 tháng 12 năm 2008 gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trả lời về việc ưu đãi thuế đối với Dự án Nhà máy Đạm Cà Mau, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Công ty không tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ Dự án Nhà máy sản xuất Phân đạm Cà Mau trong năm tài chính 2014 do vẫn trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với hoạt động kinh doanh khác ngoài Dự án Nhà máy sản xuất Phân đạm Cà Mau, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23 tháng 5 năm 2012 giữa Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty sẽ mua khí thiên nhiên của Lô PM3 CAA và Lô 46 - Cái Nước từ Tập đoàn trong vòng 20 năm kể từ ngày vận hành chính thức, với sản lượng 457,38 triệu m³ khí tiêu chuẩn mỗi năm.

Theo Phụ lục Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 tháng 11 năm 2014, mức giá khí hợp đồng là giá khí để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh phân bón của Công ty với mức tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân 12%/năm (không bao gồm thuế VAT và các loại thuế gián thu khác). Giá khí hợp đồng tạm tính để phát hành hóa đơn và thực hiện thanh toán hàng tháng trong năm là giá khí tại văn bản phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

Theo Nghị quyết số 8373/NQ-DKVN ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC), mức giá khí tạm tính cho năm 2015 của PVCFC là 3,81 USD/MmBTU. Giá khí chính thức sẽ được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét điều chỉnh vào cuối năm 2015 để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh phân bón của PVCFC đạt tỷ suất lợi nhuận tại Phụ lục Hợp đồng số 04 nêu trên.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	7.957.633.181.773	9.938.178.331.790
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.934.277.086.952	2.348.182.799.062
Nợ thuần	6.023.356.094.821	7.589.995.532.728
Vốn chủ sở hữu	5.538.200.860.558	3.433.801.677.797
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,09	2,21

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.934.277.086.952	2.348.182.799.062
Phải thu khách hàng và phải thu khác	69.661.348.856	34.581.324.951
Đầu tư ngắn hạn	3.068.248.150.041	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	8.289.956.196
Tổng cộng	5.072.186.585.849	2.391.054.080.209
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	7.957.633.181.773	9.938.178.331.790
Phải trả người bán và phải trả khác	2.330.418.796.789	593.918.129.942
Chi phí phải trả	261.753.997.078	82.637.148.718
Tổng cộng	10.549.805.975.640	10.614.733.610.450

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	7.959.256.852.784	9.939.208.414.805	37.584.358.212	6.056.156.710
Euro (EUR)	1.952.778.755	3.348.641.863	-	3.300.302.417

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(792.167.249.457)	(993.315.225.810)
Euro (EUR)	(195.277.876)	(4.833.945)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro lãi suất***

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, theo các Quyết định số 533/QĐ-DKVN và số 534/QĐ-DKVN ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, từ ngày 15 tháng 01 năm 2013, Tập đoàn chuyển giao cho Công ty các trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Bên vay (trừ việc rút vốn vay) được quy định trong các hợp đồng tín dụng ký với các ngân hàng trong và ngoài nước để tài trợ cho dự án Nhà máy Đạm Cà Mau.

Do đó, Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 159.152.663.635 VND (2013: 198.763.566.636 VND).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	200	(159.152.663.635)
VND	-200	159.152.663.635
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	200	(198.763.566.636)
VND	-200	198.763.566.636

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Thành viên của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.934.277.086.952	-	1.934.277.086.952
Đầu tư ngắn hạn	3.068.248.150.041	-	3.068.248.150.041
Phải thu khách hàng và phải thu khác	69.661.348.856	-	69.661.348.856
Tổng cộng	5.072.186.585.849	-	5.072.186.585.849
31/12/2014			
Các khoản vay	1.248.873.860.257	6.708.759.321.516	7.957.633.181.773
Phải trả người bán và phải trả khác	2.297.739.856.758	33.175.238.300	2.330.915.095.058
Chi phí phải trả	261.753.997.078	-	261.753.997.078
Tổng cộng	3.808.367.714.093	6.741.934.559.816	10.550.302.273.909
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.263.818.871.756	(6.741.934.559.816)	(5.478.115.688.060)
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.348.182.799.062	-	2.348.182.799.062
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.581.324.951	-	34.581.324.951
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	8.289.956.196	-	8.289.956.196
Tổng cộng	2.391.054.080.209	-	2.391.054.080.209
31/12/2013			
Các khoản vay	1.369.602.430.181	8.568.575.901.609	9.938.178.331.790
Phải trả người bán và phải trả khác	593.918.129.942	-	593.918.129.942
Chi phí phải trả	82.637.148.718	-	82.637.148.718
Tổng cộng	2.046.157.708.841	8.568.575.901.609	10.614.733.610.450
Chênh lệch thanh khoản thuần	344.896.371.368	(8.568.575.901.609)	(8.223.679.530.241)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

Chủ sở hữu

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty con

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Các đơn vị cùng chủ sở hữu

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí - Công ty Cổ phần

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu Khí Việt Nam

Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chủ sở hữu của Công ty)

Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí

Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ

Các đơn vị trong Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Công ty Phân

phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí

Các đơn vị trong Tổng Công ty Vận tải Dầu khí (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu

Các đơn vị trong Công ty Cổ phần PVI (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Tổng Công ty Bảo hiểm PVI - Chi nhánh Cà Mau

Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí

Các đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn

Các đơn vị trong Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	285.748.914.973	464.907.757.143
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	-	132.909.523.932
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	26.777.047.619	6.854.476.190
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	3.564.939.490

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

	2014	2013
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.610.373.226.720	2.537.366.574.997
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	244.910.013.007	286.907.333.409
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	150.338.391.300	153.449.419.475
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI - Chi nhánh Cà Mau	46.772.821.156	50.641.217.170
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	21.417.290.418	4.934.021.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và vận tải Dầu khí Việt Nam	21.361.945.000	6.702.146.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	9.614.955.326	10.239.099.133
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	7.064.650.000	4.217.920.000
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí	6.413.300.416	10.421.947.793
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ	4.670.865.938	2.904.107.250
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	2.396.498.603	2.837.310.872
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	1.200.753.336	18.322.593.746
- Công ty Cổ phần		
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	1.428.410.510	8.250.522.907
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	864.795.240	5.143.080.745
Thu nhập của Ban Giám đốc	3.986.550.750	5.809.841.307

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	19.172.400.000
Phải trả người bán		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	165.021.290.363	226.320.375.741
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	36.066.717.107	60.799.643.470
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	11.537.724.304	16.162.339.160
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.162.572.002	2.081.411.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu Khí Việt Nam	1.496.451.808	840.679.696
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	5.380.730.620
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	-	1.128.275.000
Trả trước cho người bán		
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ	-	2.201.900.000
Phải trả khác		
Ban quản lý dự án Khí- Điện-Đạm Cà Mau	76.525.201.368	173.683.639.544
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.940.426.765.238	-

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Quyết định số 1107/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc giá khí tạm tính năm 2014 cho Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC), Tập đoàn phê duyệt giá khí bán cho PVCFC năm 2014 tạm tính là 4,06 USD/triệu BTU. Công ty đã điều chỉnh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo giá khí tạm tính nêu trên.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

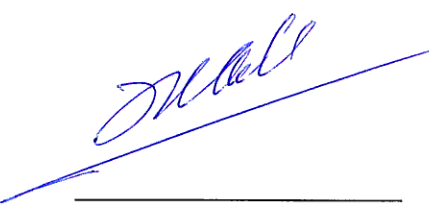
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2001012298 ngày 15 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, với vốn điều lệ là 5.294.000.000.000 VND. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa bao gồm các xử lý tài chính trước khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.


Đinh Như Cường
Người lập biểu
Lê Ngọc Minh Trí
Kế toán trưởng

Bùi Minh Tiến
Giám đốc
(Nay là Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau)

Ngày 4 tháng 02 năm 2015